| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĂN YÊN**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Chu Thị Thoảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Bà Ngô Thị Hoa

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Chí Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bầy: Tôi và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng không thống nhất từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay. Đến đầu năm 2024 anh Hoàng Văn T đã làm đơn xin ly hôn tôi nhưng lại rút đơn. Sau khi anh T rút đơn vợ chồng tôi cũng không về chung sống với nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với anh Hoàng Văn T nhưng anh T không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 21 tháng 11 năm 2022 là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống của vợ chồng không thống nhất. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị N và anh T hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị N được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0000067 ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại Thi hành án dân sự huyện V. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã Đ.
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**